

Bản án số: 04/2022/DS-ST

Ngày: 08/7/2022

V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản  
và chia tài sản chung.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KĐ, TỈNH HƯNG YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Quốc Huy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Vũ Quang Nguyên

2. Bà Lê Thị Thanh Thúy

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thơ –Thư ký

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện KĐ tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tuấn Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện KĐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2021/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản và chia tài sản chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST- DS ngày 24 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/QĐST-DS ngày 16/6/2022, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Cụ Nguyễn Thị T, sinh năm 1939; trú tại: thôn DP, xã CN, huyện KĐ, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

- Ông Lê Tiến Lực - Luật sư, Văn phòng Luật sư Phổ Hiến và cộng sự - Đoàn Luật sư tỉnh Hưng Yên (có mặt);

- Ông Hoàng Văn P (tên gọi khác Hoàng Văn Phàn), sinh năm 1966; trú tại: Số 16 đường số 4A, khu phố 4, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

**2. Bị đơn:** Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1962; trú tại: thôn DP, xã CN, huyện KĐ, tỉnh Hưng Yên (có mặt).

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:**

- Bà Hoàng Thị Đ, sinh năm 1957; trú tại: thôn DP, xã CN, huyện KĐ, tỉnh Hưng Yên (có mặt).

- Ông Hoàng Văn P (tên gọi khác Hoàng Văn Phàn), sinh năm 1966; trú tại:

Số 16 đường số 4A, khu phố 4, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Bà Hoàng Thị M, sinh năm 1968; trú tại: thôn Nghĩa Giang, xã Toàn Thắng, huyện KĐ, tỉnh Hưng Yên (có mặt);

4. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn:*

- Ông Hoàng Đại P1, sinh năm 1964; trú tại: thôn Sre Nhắc, xã Đình Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng (xin xét xử vắng mặt).

- Bà Hoàng Thị B, sinh năm 1973; trú tại: Tổ 4, khu phố Phước Bình, phường Tân Xuân, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (xin xét xử vắng mặt).

5. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn:*

- Ông Hoàng Văn Ph, sinh năm 1959; trú tại: thôn DP, xã CN, huyện KĐ, tỉnh Hưng Yên (có mặt).

- Bà Hoàng Thị B1, sinh năm 1976; trú tại: Số nhà 361/60/172C, Ấp 6, xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1975 (vắng mặt); anh Hoàng Văn Trường, sinh năm 1998 (có mặt); anh Hoàng Đại Th, sinh năm 2001 (vắng mặt); đều trú tại: thôn DP, xã CN, huyện KĐ, tỉnh Hưng Yên.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn cụ Nguyễn Thị T và lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Cụ Hoàng Văn K, sinh năm 1938 (chết ngày 31/5/2013) có vợ là cụ Nguyễn Thị T, sinh năm 1939, hai cụ sinh được 09 người con chung là: Bà Hoàng Thị Đ, ông Hoàng Văn Ph, bà Hoàng Thị N, ông Hoàng Văn P1, ông Hoàng Văn P (tức Phàn), bà Hoàng Thị M, ông Hoàng Văn S, bà Hoàng Thị B và bà Hoàng Thị B1. Ngoài ra, các cụ không còn có con nuôi hay con riêng nào khác. Ông Hoàng Văn S ốm chết năm 2017 có vợ là bà Hoàng Thị H và các con là Hoàng Văn Tr và Hoàng Đại Th.

Ngày 24/8/2009 cụ K và cụ T lập bản di chúc chung có nội dung: *Vợ chồng tôi đang ở trên mảnh đất của tổ nghiệp, diện tích 172m<sup>2</sup>, thửa số 621, tờ bản đồ số 4. Trên mảnh đất gồm 3 gian nhà cấp 4; địa chỉ thôn DP, xã CN, huyện KĐ, tỉnh Hưng Yên. Khi vợ chồng tôi qua đời, chỗ đất ở và nhà để làm nơi thờ cúng gia tiên, không cho ai cả. Vợ chồng tôi giao quyền trông nom, tu sửa cho các con trai gái. Khi sửa chữa, thay đổi phải thông qua tất cả anh chị em trai gái như nhau.* Di chúc được UBND xã CN chứng thực ngày 25/8/2009, có 2 bản chính, người lập di chúc giữ 01 bản chính, lưu tại UBND xã 01 bản chính.

Cụ K chết ngày 31/5/2013, cụ T ở một mình và quản lý tài sản. Đến nay, ngôi nhà đã xuống cấp nghiêm trọng, những ngày mưa bị dột nước chảy lênh láng trong nhà. Cụ T bàn bạc với các con bán nhà đất này đi, chuyển vào trong làng để xây dựng căn nhà mới trước là cụ T ở, sau để lại thờ cúng gia tiên đúng như ý

nguyên của 2 cụ đã ghi trong di chúc, nhưng một số người con của cụ T phản đối, không đồng ý cho cụ T thực hiện quyền định đoạt tài sản của mình, muốn giữ nguyên nội dung di chúc đến khi nào cụ T chết thì anh em sẽ xử lý theo nội dung bản di chúc chung. Vì vậy, cụ T khởi kiện, đề nghị Tòa án hủy phần nội dung di chúc của cụ T trong bản di chúc chung với cụ K, để cụ T có quyền tự định đoạt phần tài sản của mình. Chia tài sản chung của cụ T trong khối tài sản chung với cụ K. Chia thừa kế phần di sản của cụ K để lại theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Hoàng Thị N trình bày lời khai nhất trí với nội dung của nguyên đơn về mối quan hệ gia đình, về nội dung bản di chúc chung của cụ K và cụ T lập ngày 24/8/2009. Bà N xác định bản thân bà không có công sức đóng góp gì trong khối tài sản chung của bố mẹ. Quan điểm của bà N không nhất trí yêu cầu khởi kiện của cụ T với lý do đất ở của tổ nghiệp để lại, cụ T tuổi đã cao, lúc nhớ lúc quên, đó không phải là ý chí của cụ T mà do ông P xúi giục mẹ chuyển nhượng thửa đất này để lấy tiền mua thửa đất khác trong làng và xây 1 căn nhà khác cho cụ T ở sau này sẽ làm nơi cho anh em thờ phụng gia tiên nên bà không nhất trí. Bà N muốn thực hiện theo di chúc của bố giữ lại mảnh đất cho con cháu thờ cúng. Trường hợp yêu cầu chia thừa kế của cụ T được chấp nhận thì kỷ phần bà N được hưởng sẽ nhận gộp chung với suất thừa kế của ông Ph, bà B1 và các con của ông S.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là bà Hoàng Thị Đ, ông Hoàng Văn P và bà Hoàng Thị M nhất trí nội dung trình bày của cụ T về mối quan hệ gia đình, về nội dung bản di chúc chung của cụ T và cụ K ngày 24/8/2009. Các ông bà trình bày điều kiện, hoàn cảnh sống của cụ T hiện nay rất khó khăn, tuổi cao sức yếu ốm đau không có tiền chữa trị, nhà cửa dột nát, xuống cấp nghiêm trọng nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ T hủy phần di chúc của cụ T trong bản di chúc chung. Đồng thời bà Đ, ông P, bà M có đơn yêu cầu độc lập đề nghị chia thừa kế phần di sản của cụ K để lại theo pháp luật. Bà Đ, ông P, bà M đề nghị chia gộp phần thừa kế của mình được hưởng với phần thừa kế của cụ T để cho cụ T quản lý, sử dụng và định đoạt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn:

Ông Hoàng Đại P1 nhất trí nội dung, yêu cầu khởi kiện của cụ T và đề nghị Tòa án chia thừa kế di sản của cụ K để lại theo pháp luật.

Bà Hoàng Thị B nhất trí nội dung, yêu cầu khởi kiện của cụ T. Trường hợp yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ T được chấp nhận thì bà B không nhận, tự nguyện để lại hết cho cụ T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn:

Ông Hoàng Văn Ph trình bày thống nhất như nội dung lời khai của bà Hoàng Thị N. Quan điểm của ông Ph không nhất trí yêu cầu khởi kiện của cụ T và đề nghị các thành viên trong gia đình thực hiện theo di chúc của cụ K. Trường hợp yêu cầu chia thừa kế của cụ T được chấp nhận thì kỷ phần mà ông Ph được hưởng sẽ nhận gộp chung với suất thừa kế của bà N, bà B1 và các con của ông S.

Bà Hoàng Thị B1 có quan điểm không nhất trí yêu cầu khởi kiện của cụ T vì cho rằng mảnh đất là của tổ nghiệp để lại chứ không phải của cụ K và cụ T tạo lập nên. Việc cụ T khởi kiện là do ông P và một số người xúi giục. Do đó, bà B1 đề nghị thực hiện theo nội dung di chúc của bố mẹ đã lập ngày 24/8/2009 và không nhất trí chia thừa kế. Bà B1 cũng trình bày bản thân bà có đóng góp 40.000.000 đồng để xây gian nhà thờ và 16.700.000 đồng để tu sửa gian nhà cho cụ T ở nhưng đến nay bà B1 không có đòi hỏi gì về số tiền đó.

Bà Hoàng Thị H, anh Hoàng Văn Tr và anh Hoàng Đại Th trình bày quan điểm không nhất trí yêu cầu khởi kiện của cụ T và đề nghị thực hiện theo di chúc ngày 24/8/2009. Trường hợp yêu cầu chia thừa kế của cụ T được chấp nhận thì kỷ phần mẹ con bà H được hưởng sẽ nhận gộp chung với suất thừa kế của ông Ph, bà N và bà B1.

Xác minh với Ủy ban nhân dân xã CN thể hiện: Cụ Hoàng Văn K và cụ Nguyễn Thị T có 09 người con như các đương sự đã khai. Hai cụ có thửa đất ở diện tích 160,4m<sup>2</sup> tại thửa số 369, tờ bản đồ số 24 thôn DP, xã CN, huyện KĐ, tỉnh Hưng Yên đã được Ủy ban nhân dân huyện KĐ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/12/2014. Tuy nhiên, trong bản di chúc chung của cụ T và cụ K ghi nhầm thành thửa đất số 621, tờ bản đồ số 4, diện tích là 172m<sup>2</sup>. Ngày 24/8/2009 cụ K và cụ T lập di chúc chung có nội dung toàn bộ nhà, đất của vợ chồng sau khi qua đời giao lại cho các con làm nơi thờ cúng gia tiên, không cho ai cả. Giao quyền trông nom, tu sửa cho các con trai gái. Khi sửa chữa, thay đổi phải thông qua tất cả anh chị em trai gái như nhau. Di chúc được UBND xã CN chứng thực ngày 25/8/2009. Đến thời điểm hiện tại cụ T hoàn toàn tinh táo và minh mẫn, đủ khả năng nhận Thức để quyết định các nội dung liên quan đến yêu cầu khởi kiện của mình.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đang có tranh chấp như sau: Thửa đất số 369, tờ bản đồ số 24 thôn DP, xã CN, huyện KĐ có diện tích đo thực tế là 158,8m<sup>2</sup>, trị giá đất ở thuộc đường ĐH 60 là 1.100.000 đồng/m<sup>2</sup>; 01 nhà xây cấp 4 cũ (xây năm 1983), lợp ngói, diện tích 40,7m<sup>2</sup> trị giá là 99.999.900 đồng. 01 gian nhà cấp 4 xây năm 2008 để làm nơi thờ tự, lợp mái tôn, diện tích 15,9m<sup>2</sup> trị giá là 32.277.000 đồng; nhà vệ sinh diện tích 2,3m<sup>2</sup> trị giá 7.056.400 đồng; 01 nhà tắm, diện tích 4,7m<sup>2</sup> trị giá là 14.419.600 đồng; 01 bể nước thể tích 4,2m<sup>3</sup> trị giá là 6.762.100 đồng; mái tôn diện tích 84,8m<sup>2</sup> trị giá là 105.830.400 đồng; sân bê tông diện tích 84,4m<sup>2</sup> trị giá là 9.260.000 đồng. Tổng giá trị tài sản trên đất trị giá là 275.605.720 đồng.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tổ chức hòa giải nhưng các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa: Vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Đại P1, bà Hoàng Thị B, bà Hoàng Thị B1, bà Hoàng Thị H, anh Hoàng Đại Th nhưng đều đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai. Đồng thời, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm ông P1, bà B1, bà B đều có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228

của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người có tên trên.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là bà Đ, ông P, bà M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu độc lập. Các đương sự đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ T, chia tài sản chung của cụ T và cụ K và chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ K để lại.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn là bà N và ông Ph không nhất trí yêu cầu khởi kiện, yêu cầu độc lập và đề nghị thực hiện theo nội dung di chúc của cụ K và cụ T lập ngày 24/8/2009.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX và Thư ký Tòa án từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Về nội dung, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227, 228, 235, 264, 266 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 652, 663, 664, 667, 668, 670 của Bộ luật dân sự năm 2005; điểm a khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015. Điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Thị T về việc hủy một phần nội dung di chúc chung của cụ T và cụ K, chia tài sản chung của cụ Nguyễn Thị T trong khối tài sản chung với cụ Hoàng Văn K. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ T và yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thị Đ, ông Hoàng Văn P (tức Phàn) và bà Hoàng Thị M đề nghị chia thừa kế theo pháp luật phần di sản của cụ Hoàng Văn K để lại.

Giao cho cụ T có quyền quản lý, sử dụng và định đoạt  $\frac{1}{2}$  thửa đất số 369, tờ bản đồ số 24 thôn DP, xã CN, huyện KĐ, tỉnh Hưng Yên có diện tích từ 70 – 80m<sup>2</sup> và công trình trên phần diện tích đất được chia, trị giá là 214.000.000 đồng.

Giao cho cụ T và các con, cháu của cụ T và cụ K là bà Hoàng Thị Đ, ông Hoàng Văn Ph, bà Hoàng Thị N, ông Hoàng Văn P1, ông Hoàng Văn P (tức Phàn), bà Hoàng Thị M, bà Hoàng Thị B và bà Hoàng Thị B1 và các thừa kế của ông Hoàng Văn S là bà Hoàng Thị H, anh Hoàng Văn Trg, anh Hoàng Đại Th quản lý, sử dụng chung đối với phần di sản của cụ K để lại dùng vào việc thờ cúng  $\frac{1}{2}$  thửa đất số 369, tờ bản đồ số 24 thôn DP, xã CN, huyện KĐ, tỉnh Hưng Yên có diện tích khoảng từ 70m<sup>2</sup> – 80m<sup>2</sup> và các công trình tài sản trên đất được chia, trị giá là 214.000.000 đồng.

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho cụ T. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho bà Đ, ông P và bà M.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Nguyên đơn cụ Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy phần nội dung di chúc của mình trong bản di chúc chung với cụ Hoàng Văn K lập ngày 24/8/2009, yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ K để lại. Pháp luật điều chỉnh các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đều xuất phát từ quan hệ pháp luật về thừa kế và chia tài sản chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là Tranh chấp về thừa kế tài sản và chia tài sản chung quy định tại khoản 2, 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà N cho rằng, cụ T hiện già yếu, không đủ tỉnh táo và minh mẫn để bày tỏ ý chí, quan điểm của mình về các nội dung, yêu cầu khởi kiện. Tuy nhiên, thông qua các buổi làm việc trực tiếp của Tòa án với cụ T và xác nhận của Ủy ban nhân dân xã CN xác định cụ T có đủ khả năng nhận thức, điều khiển hành vi của mình; không có căn cứ cụ T bị người khác ép buộc hay lừa dối khi khởi kiện. Ý kiến trình bày của bà N là không đúng, không phù hợp với tình trạng sức khỏe tinh thần hiện tại của cụ T.

[2] Vợ chồng cụ Hoàng Văn K và cụ Nguyễn Thị T có thửa đất thổ cư diện tích 160,4m<sup>2</sup> (đo thực tế là 158,8m<sup>2</sup>) tại thửa số 369, tờ bản đồ số 24 thôn DP, xã CN, huyện KĐ, tỉnh Hưng Yên đã được Ủy ban nhân dân huyện KĐ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/12/2014. Trên đất có 01 ngôi nhà xây cấp 4 và một số công trình xây dựng khác đều do cụ K và cụ T làm ra. Do vậy, nhà đất nêu trên được xác định là tài sản chung của vợ chồng của K và cụ T có trong thời kỳ hôn nhân.

Về nguồn gốc thửa đất là của cha ông để lại cho cụ K và cụ T quản lý và sử dụng từ khi kết hôn đến thời K lập di chúc chung đã trên 50 năm. Việc bị đơn là bà N và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Ph, bà B1 cho rằng thửa đất này là của tổ nghiệp để lại, không phải do của cụ K và cụ T làm ra nên cụ T không có quyền định đoạt là không hợp tình và hợp lý nên không được chấp nhận.

[3] Di chúc chung của cụ K và cụ T lập ngày 24/8/2009, pháp luật nội dung để xem xét tính hợp pháp của bản di chúc chung là Bộ luật dân sự năm 2005. Bản di chúc chung của hai cụ có nội dung để lại nhà đất trên để làm nơi thờ cúng gia tiên khi hai cụ qua đời và giao quyền trông nom, tu sửa cho các con trai, con gái như nhau, đã được Ủy ban nhân dân xã CN chứng thực ngày 25/8/2009 trong thời điểm hai cụ còn minh mẫn và các đương sự đều thừa nhận. Do đó, bản di chúc chung của cụ K và cụ T là hợp pháp theo quy định tại Điều 663 Bộ luật dân sự năm 2005.

Trong di chúc chung của cụ K và cụ T có ghi thửa đất số 621, tờ bản đồ số 4 thôn DP, xã CN, huyện KĐ, tỉnh Hưng Yên có diện tích là 172m<sup>2</sup>. Tuy nhiên, xác minh với Ủy ban nhân dân xã CN xác định số hiệu thửa đất, tờ bản đồ và diện tích mà hai cụ đề cập trong bản di chúc là bị nhầm lẫn, thực tế thửa đất mà hai cụ đang quản lý, sử dụng và ghi trong di chúc ngày 24/8/2009 có số thửa là 369, tờ bản đồ số 24 thôn DP, xã CN có diện tích là 160,4m<sup>2</sup>. Sự nhầm lẫn nêu trên không làm thay đổi đối tượng tài sản ghi trong bản di chúc.

[4] Theo quy định tại khoản 2 Điều 664 Bộ luật dân sự năm 2005 thì “*Khi vợ hoặc chồng muốn sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ di chúc chung thì phải được sự đồng ý của người kia; nếu một người đã chết thì người kia chỉ có thể sửa đổi, bổ sung di chúc liên quan đến phần tài sản của mình*”. Vì cụ K đã chết ngày 31/5/2013, đến nay cụ T muốn sửa đổi nội dung di chúc chung thì cụ T có thể sửa đổi di chúc liên quan đến phần tài sản của mình. Theo đó, cụ T có quyền sửa đổi di chúc liên quan đến  $\frac{1}{2}$  tài sản nhà đất trong khối tài sản chung của vợ chồng được ghi trong di chúc nêu trên. Việc định đoạt đối với  $\frac{1}{2}$  tài sản nhà đất là di sản của cụ K để lại sẽ được thực hiện theo ý nguyện của cụ K là để lại di sản dùng vào việc thờ cúng. Thực tế gia đình cụ K và cụ T cũng đã xây 1 gian nhà để thờ cúng ở phía sau ngôi nhà chính. Do đó, yêu cầu khởi kiện của cụ T và yêu cầu độc lập của bà Đ, ông P, bà M đề nghị chia thừa kế theo pháp luật phần di sản của cụ K để lại là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Căn cứ Điều 667 Bộ luật dân sự năm 2005 về hiệu lực pháp luật của di chúc thì: “*Di chúc có hiệu lực pháp luật từ thời điểm mở thừa kế*”. Theo quy định tại Điều 668 Bộ luật dân sự 2005 về hiệu lực pháp luật của di chúc chung của vợ chồng thì: “*Di chúc chung của vợ, chồng có hiệu lực từ thời điểm người sau cùng chết hoặc tại thời điểm vợ, chồng cùng chết*”. Đến thời điểm cụ T khởi kiện thì di chúc chung của vợ chồng chưa có hiệu lực pháp luật, cụ T hoàn toàn có quyền định đoạt liên quan đến  $\frac{1}{2}$  tài sản của mình trong khối di sản chung. Vì vậy, việc cụ T khởi kiện đề nghị chia tài sản chung là phù hợp quy định của pháp luật. Xét về thực tế thì cụ T hiện ốm đau, già yếu, nhà cửa xuống cấp nghiêm trọng nên yêu cầu chia tài sản chung để tạo lập chỗ ở mới và lấy tiền dưỡng già là yêu cầu chính đáng, cấp thiết nên được chấp nhận.

[6] Tài sản chung của cụ K và cụ T gồm có: Thửa đất số 369, tờ bản đồ số 24 thôn DP, xã CN, huyện KĐ có diện tích đo thực tế là 158,8m<sup>2</sup>, trị giá là 1.100.000 đồng/m<sup>2</sup> bằng 174.680.000 đồng; 01 nhà xây cấp 4 cũ (xây năm 1983), lợp ngói, diện tích 40,7m<sup>2</sup> trị giá là 99.999.900 đồng (2.457.000 đồng/m<sup>2</sup>); 01 gian nhà cấp 4 xây năm 2008 để làm nơi thờ tự, lợp mái tôn, diện tích 15,9m<sup>2</sup> trị giá là 32.277.000 đồng (2.030.000 đồng/m<sup>2</sup>); nhà vệ sinh diện tích 2,3m<sup>2</sup> trị giá 7.056.400 đồng; 01 nhà tắm, diện tích 4,7m<sup>2</sup> trị giá là 14.419.600 đồng; 01 bể nước thể tích 4,2m<sup>3</sup> trị giá là 6.762.100 đồng; mái tôn diện tích 68,8m<sup>2</sup> trị giá là 85.862.400 đồng (1.248.000 đồng/m<sup>2</sup>); sân bê tông diện tích 68,8m<sup>2</sup> trị giá là 7.512.960 đồng (109.200 đồng/m<sup>2</sup>). Tổng giá trị tài sản trên đất là 428.570.000 đồng. Cụ T và cụ K mỗi người được hưởng  $\frac{1}{2}$  giá trị nhà đất nêu trên B 214.285.000 đồng.

Căn cứ nhu cầu thực tế của cụ T và di nguyện của cụ K để lại phần di sản của mình để dùng thờ cúng gia tiên, cần phân chia nhà đất nói trên B hiện vật, theo đó: Giao cho cụ T có quyền quản lý, sử dụng và định đoạt  $\frac{1}{2}$  thửa đất có diện tích là 79,4m<sup>2</sup> trên sơ đồ kí hiệu là A,B,C,D,E,F,A (giáp đất hộ ông bà Hiền, Vịnh) trị giá bằng 87.340.000 đồng. Đồng thời giao cụ T có quyền sở hữu, sử dụng và định đoạt các tài sản trên phần diện tích đất được chia, gồm: 19,8m<sup>2</sup> nhà xây cấp 4 trị giá là 48.648.600 đồng; 7,1m<sup>2</sup> nhà lợp mái tôn cấp 4 (phía sau nhà chính) trị giá là 14.413.000 đồng; 01 nhà vệ sinh 2,3m<sup>2</sup> trị giá 7.056.400 đồng; 01 nhà tắm

4,7m<sup>2</sup> trị giá là 14.419.600 đồng; 01 bể nước thể tích 4,2m<sup>3</sup> trị giá là 6.762.100 đồng; 30,4m<sup>2</sup> lán tôn trị giá 37.939.200 đồng; 30,4m<sup>2</sup> sân bê tông trị giá 3.319.680 đồng. Tổng trị giá đất và tài sản trên đất chia cho cụ T là 219.898.000 đồng.

Giao cho cụ T và các con, cháu của cụ T và cụ K là bà Hoàng Thị Đ, ông Hoàng Văn Ph, bà Hoàng Thị N, ông Hoàng Văn P1, ông Hoàng Văn P (tức Phàn), bà Hoàng Thị M, bà Hoàng Thị B và bà Hoàng Thị B1 và các thừa kế của ông Hoàng văn S là bà Hoàng Thị H, anh Hoàng Văn Tr, anh Hoàng Đại Th quản lý, sử dụng chung đối với phần di sản của cụ K để lại dùng vào việc thờ cúng gồm: Diện tích đất thổ cư là 79,4m<sup>2</sup> trên sơ đồ kí hiệu là F,E,K,I,H,G,F (giáp đất hộ ông bà Hương, Cừ) trị giá B 87.340.000 đồng; 20,9m<sup>2</sup> nhà xây cấp 4 trị giá là 51.351.300 đồng; 8,8m<sup>2</sup> nhà lợp mái tôn cấp 4 (phía sau nhà chính) trị giá là 17.864.000 đồng; 38,4m<sup>2</sup> lán tôn trị giá 47.923.200 đồng; 38,4m<sup>2</sup> sân bê tông trị giá 4.193.280 đồng. Tổng trị giá đất và tài sản trên đất là di sản của cụ K để lại trị giá là 208.672.000 đồng.

Phần giá trị tài sản mà cụ T được chia nhiều hơn  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản chung của vợ chồng là  $(219.898.000 - 214.285.000) = 5.613.000$  đồng. Xét cụ T già yếu, một mình quản lý, duy trì tài sản từ khi cụ K mất đến nay nên không buộc cụ T phải thanh toán trả chênh lệch tài sản cho các đồng thừa kế.

Các tài sản giao cho cụ T quản lý, sử dụng có 01 nhà tắm diện tích 4,7m<sup>2</sup> trong đó có 0,6m<sup>2</sup> nằm sang phần đất sử dụng chung của các thừa kế. Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (ông P) có quan điểm phía cụ T sẽ tự tháo dỡ phần diện tích nhà tắm lấn sang diện tích đất sử dụng chung. Do đó, chấp nhận sự tự nguyện của đại diện nguyên đơn về việc tự tháo dỡ 0,6 m<sup>2</sup> nhà tắm để trả lại đất sử dụng chung của các thừa kế.

Trong quá trình quản lý, sử dụng nhà ở và các công trình trên diện tích đất được phân chia, các bên phải đảm bảo công năng sử dụng của công trình. Trường hợp bên nào tháo dỡ, thay đổi hiện trạng nhà ở, công trình trên đất được chia thì phải bảo đảm an toàn cho phần nhà ở và công trình của bên kia. Nếu làm hư hỏng phải bồi thường thiệt hại tương ứng với giá trị tài sản được xác định trong bản án này.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

Cụ Nguyễn Thị T phải chịu án phí tương ứng với giá trị tài sản mà cụ T được hưởng là 219.898.000 đồng và án phí là 10.995.000đ. Do cụ T là người già yếu nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Những người có quyền lợi liên quan có yêu cầu độc lập là bà Hoàng Thị Đ, ông Hoàng Văn P (Phàn) và bà Hoàng Thị M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ K để lại nhưng không được chấp nhận. Hoàn trả lại bà Đ, ông P và bà M khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,



## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 và khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227, 228, 235, 264, 266 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 652, 663, 664, 667, 668, 670 của Bộ luật dân sự năm 2005; điểm a khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm d khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Thị T về việc chia tài sản chung của cụ Nguyễn Thị T trong khối tài sản chung với cụ Hoàng Văn K.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Thị T và yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thị Đ, ông Hoàng Văn P (tức Ph) và bà Hoàng Thị M đề nghị chia thừa kế theo pháp luật phần di sản của cụ Hoàng Văn K để lại.

2. Tài sản chung của cụ K và cụ T gồm có: Thửa đất số 369, tờ bản đồ số 24 thôn DP, xã CN, huyện KĐ có diện tích đo thực tế là 158,8m<sup>2</sup>, trị giá là 174.680.000đồng; 01 nhà xây cấp 4 cũ, lợp ngói, diện tích 40,7m<sup>2</sup> trị giá là 99.999.900 đồng; 01 gian nhà cấp 4 để làm nơi thờ tự, lợp mái tôn, diện tích 15,9m<sup>2</sup> trị giá là 32.277.000 đồng; nhà vệ sinh diện tích 2,3m<sup>2</sup> trị giá 7.056.400 đồng; 01 nhà tắm, diện tích 4,7m<sup>2</sup> trị giá là 14.419.600 đồng; 01 bể nước thể tích 4,2m<sup>3</sup> trị giá là 6.762.100 đồng; mái tôn diện tích 68,8m<sup>2</sup> trị giá là 85.862.400 đồng; sân bê tông diện tích 68,8m<sup>2</sup> trị giá là 7.512.960 đồng. Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là 428.570.000 đồng, cụ T và cụ K mỗi người được hưởng ½ giá trị nhà đất nêu trên bằng 214.285.000đồng và phân chia như sau:

2.1. Giao cho cụ T có quyền quản lý, sử dụng và định đoạt ½ thửa đất số 369, tờ bản đồ số 24 thôn DP, xã CN, huyện KĐ, tỉnh Hưng Yên có diện tích là 79,4m<sup>2</sup>, trên sơ đồ kí hiệu là A,B,C,D,E,F,A (phía giáp đất hộ ông bà Hiền, Vịnh) trị giá B 87.340.000 đồng. Đồng thời, giao cụ T có quyền sở hữu, sử dụng và định đoạt các tài sản trên phần diện tích đất được chia, gồm: 19,8m<sup>2</sup> nhà xây cấp 4 trị giá là 48.648.600đồng; 7,1m<sup>2</sup> nhà lợp mái tôn cấp 4 (phía sau nhà chính) trị giá là 14.413.000 đồng; 01 nhà vệ sinh 2,3m<sup>2</sup> trị giá 7.056.400 đồng; 01 nhà tắm 4,7m<sup>2</sup> trị giá là 14.419.600 đồng; 01 bể nước thể tích 4,2m<sup>3</sup> trị giá là 6.762.100 đồng; 30,4m<sup>2</sup> lán tôn trị giá 37.939.200 đồng; 30,4m<sup>2</sup> sân bê tông trị giá 3.319.680 đồng. Tổng trị giá đất và tài sản trên đất chia cho cụ T là 219.898.000 đồng.

2.2. Giao cho cụ T và các con, cháu của cụ T và cụ K là bà Hoàng Thị Đ, ông Hoàng Văn Ph, bà Hoàng Thị N, ông Hoàng Văn P1, ông Hoàng Văn P (tức Phàn), bà Hoàng Thị M, bà Hoàng Thị B và bà Hoàng Thị B1 và các thừa kế của ông Hoàng Văn San là bà Hoàng Thị H, anh Hoàng Văn Trường, anh Hoàng Đại Th quản lý, sử dụng chung đối với phần di sản của cụ K để lại dùng vào việc thờ cúng là ½ thửa đất số 369, tờ bản đồ số 24 thôn DP, xã CN, huyện KĐ, tỉnh Hưng Yên có diện tích là 79,4m<sup>2</sup>, trên sơ đồ kí hiệu là F,E,K,I,H,G,F (giáp đất hộ ông bà Hương, Cừ) trị giá B 87.340.000 đồng. Đồng thời những người có tên nêu trên

được quyền quản lý, sử dụng chung 20,9m<sup>2</sup> nhà xây cấp 4 trị giá là 51.351.300 đồng; 8,8m<sup>2</sup> nhà lợp mái tôn cấp 4 (phía sau nhà chính) trị giá là 17.864.000 đồng; 38,4m<sup>2</sup> lán tôn trị giá 47.923.200 đồng; 38,4m<sup>2</sup> sân bê tông trị giá 4.193.280 đồng. Tổng trị giá đất và tài sản trên đất là di sản của cụ K để lại trị giá là 208.672.000 đồng.

2.3. Chấp nhận sự tự nguyện của đại diện nguyên đơn về việc tự tháo dỡ 0,6 m<sup>2</sup> nhà tắm nằm trên phần diện tích đất sử dụng chung của các thừa kế

Trong quá trình quản lý, sử dụng nhà ở và các công trình trên diện tích đất được phân chia, các bên phải đảm bảo công năng sử dụng của công trình. Tr hợp bên nào tháo dỡ, thay đổi hiện trạng nhà ở, công trình trên đất được chia thì phải bảo đảm an toàn cho phần nhà ở và công trình của bên kia. Nếu làm hư hỏng phải bồi thường thiệt hại tương ứng với giá trị tài sản được xác định trong bản án này.

Có sơ đồ phân chia đất, nhà ở và các công trình trên đất kèm theo bản án.

### 3. Về án phí:

- Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho cụ Nguyễn Thị T.

- Hoàn trả cho ông Hoàng Văn P (tức Phàn), bà Hoàng Thị Đ, bà Hoàng Thị M khoản tiền tạm ứng án phí mà mỗi người đã nộp là 300.000đ, theo các biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002568, 0002569, 0002570 ngày 08/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện KĐ, tỉnh Hưng Yên.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, thời hạn kháng cáo của những người có mặt tại phiên tòa tính từ ngày tuyên án, thời hạn kháng cáo của người vắng mặt tại phiên tòa tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh (P. KTNV & THAHS);
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã CN;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Quốc Huy**



